

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: I NĂM HỌC: 2020 – 2021

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Lớp: 20C1-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 2021

Thời gian thi: 60 Phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 001

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0.2 điểm.

Câu 1: Các nguyên nhân gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Thiết bị che chắn không đảm bảo an toàn
- B. Thiếu thiết bị bảo hiểm hoặc thiết bị bảo hiểm bị hỏng hay không hoạt động chính xác
- C. Bộ phận điều khiển máy bị hỏng
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 2: Các bộ phận có các yếu tố nguy hiểm là:

- A. Bộ phận mang điện
- B. Bộ phận chuyển động
- C. Bộ phận thân máy
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 3: Những chú ý an toàn khi vận hành máy may là:

- A. Để tay tránh khỏi kim khi nhấn nút ON và trong khi máy đang hoạt động
- B. Dùng ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- C. Phải chắc chắn đã nhấn nút OFF trước khi nghiêng đầu máy hoặc tháo đai thuyền
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 4: Những chú ý an toàn khi sử dụng máy may là:

- A. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu, ngón tay, hay bất cứ vật gì lại gần pulley máy, đai thuyền, động cơ
- B. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu vào máy
- C. Suốt quá trình máy hoạt động phải được lắp đặt thiết bị che chắn an toàn
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 5: Những vi phạm an toàn lao động khi sử dụng máy may là:

- A. Không nhấn nút OFF khi rời khỏi máy
- B. Sử dụng trang thiết bị bảo hộ khi làm việc
- C. Dùng ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 6: Các bộ phận an toàn trên máy may 1 kim:

- A. Nắp cần cuốn chỉ
- B. Nắp ròng rọc
- C. Chấn ngón tay

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 7: Định nghĩa quá trình cháy là:

- A. Cháy là phản ứng hóa học kèm theo hiện tượng tỏa nhiệt lớn và tia lửa
- B. Cháy là phản ứng hóa học kèm theo hiện tượng tỏa nhiệt lớn và phát sáng
- C. Cháy là phản ứng hóa học kèm theo hiện tượng thu nhiệt và phát sáng
- D. Cháy là phản ứng hóa học kèm theo hiện tượng phát sáng

Câu 8: Hiện tượng cháy còn được gọi là quá trình gì:

- A. Quá trình cháy là một quá trình oxy hóa
- B. Quá trình cháy là một quá trình oxy-hóa khử
- C. Quá trình cháy là một quá trình tỏa nhiệt
- D. Quá trình cháy là một quá trình thu nhiệt

Câu 9: Điều kiện để sự cháy xảy ra là phải có đủ các yếu tố:

- A. Chất cháy, chất oxi hóa, chất xúc tác
- B. Chất cháy, chất oxi hóa, môi bắt cháy
- C. Môi bắt cháy, chất cháy và dung môi
- D. Tất cả các câu đều sai

Câu 10: Định nghĩa về nổ là:

- A. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra với tốc độ nhanh và sinh công lớn
- B. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra kèm tỏa nhiệt và sinh công lớn
- C. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra sinh công lớn
- D. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra kèm phát sáng và sinh công lớn

Câu 11: Nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất được chia làm các nhóm sau:

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 12: Tổ chức chỗ làm không hợp lý: chật hẹp, tư thế thao tác khó khăn...thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 13: Chọn câu sai: Nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất được chia làm các nhóm sau:

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 14: Phát sinh bụi, khí độc trong phân xưởng sản xuất do sự rò rỉ từ các thiết bị chứa... thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 15: Độ bền chi tiết máy không đảm bảo gây sự cố trong quá trình sử dụng thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 16: Thiết bị che chắn an toàn là:

- A. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)
- B. Là các cơ cấu đề phòng sự cố thiết bị có liên quan tới điều kiện lao động an toàn của công nhân
- C. Thao tác lao động, nâng hạ và mang vác vật nặng đúng nguyên tắc an toàn, tránh các tư thế bất tiện có thể gây chấn thương cột sống trong thao tác

D. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, không bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)

Câu 17: Thiết bị và cơ cấu phòng ngừa là:

- A. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)
- B. Là các cơ cấu đề phòng sự cố thiết bị có liên quan tới điều kiện lao động an toàn của công nhân
- C. Thao tác lao động, nâng hạ và mang vác vật nặng đúng nguyên tắc an toàn, tránh các tư thế bất tiện có thể gây chấn thương cột sống trong thao tác
- D. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, không bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)

Câu 18: Hệ thống đèn giao thông (đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng) thuộc tính hiệu nào sau đây:

- A. Tín hiệu ánh sáng
- B. Tín hiệu âm thanh
- C. Tín hiệu màu sắc
- D. Tính hiệu báo động

Câu 19: Tín hiệu ánh sáng bằng màu sắc thường dùng trong đèn giao thông

- A. Đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng
- B. Đèn đỏ, đèn xanh, đèn tím
- C. Đèn trắng, đèn xanh, đèn vàng
- D. Đèn đỏ, đèn màu, đèn vàng

Câu 20: Biển báo phòng ngừa là:

- A. Là các bảng báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại
- B. Là các tín hiệu ánh sáng báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi cấm qua lại
- C. Là các tín hiệu âm thanh báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại
- D. Là các bảng báo hiệu cho nhà máy biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại

Câu 21: Có mấy loại biển báo phòng ngừa:

- A. 3 loại
- B. 4 loại
- C. 5 loại
- D. 6 loại

Câu 22: Chọn câu sai: Dòng điện chạy qua cơ thể người sẽ gây ra các tác dụng sau đây:

- A. Tác dụng nhiệt
- B. Tác dụng điện phân
- C. Tác dụng sinh lý
- D. Tác dụng hóa học

Câu 23: Đường đi của dòng điện qua cơ thể người chia làm mấy loại:

- A. 4 loại
- B. 5 loại
- C. 6 loại
- D. 7 loại

Câu 24: Đường đi của dòng điện qua cơ thể người

- A. Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ chân qua chân
- B. Từ đầu đến chân; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ chân qua chân
- C. Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ đầu đến chân
- D. Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay qua đầu; Từ chân qua chân

Câu 25: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- A. Từ tay qua tay 3.3 (%)
- B. Từ tay qua tay 4.3 (%)
- C. Từ tay qua tay 5.3 (%)
- D. Từ tay qua tay 6.3 (%)

Câu 26: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- A. Từ tay phải qua chân 3.7 (%)
- B. Từ tay phải qua chân 4.7 (%)

C. Từ tay phải qua chân 5.7 (%)

D. Từ tay phải qua chân 6.7 (%)

Câu 27: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

A. Từ tay trái qua chân 3.7 (%)

B. Từ tay trái qua chân 4.7 (%)

C. Từ tay trái qua chân 5.7 (%)

D. Từ tay trái qua chân 6.7 (%)

Câu 28: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

A. Từ chân qua chân 0.6 (%)

B. Từ chân qua chân 0.5 (%)

C. Từ chân qua chân 0.4 (%)

D. Từ chân qua chân 0.3 (%)

Câu 29: Cường độ điện trường có thể đạt tới trên “.....” có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.

A. 25kV/m

B. 35kV/m

C. 45kV/m

D. 55kV/m

Câu 30: Tai nạn điện được phân thành mấy dạng:

A. 2 dạng

B. 3 dạng

C. 4 dạng

D. 5 dạng

Câu 31: Các biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tai nạn điện khi xuất hiện tình trạng nguy hiểm:

A. Thực hiện nối không bảo vệ

B. Thực hiện nối đất bảo vệ, cân bằng thế

C. Sử dụng máy cắt điện an toàn, sử dụng các phương tiện bảo vệ dụng cụ phòng hộ

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 32: Các biện pháp chủ động để phòng xuất hiện tình trạng nguy hiểm có thể gây tai nạn là:

A. Đảm bảo cách điện của thiết bị điện

B. Đảm bảo khoảng cách an toàn, bao che, rào chắn các bộ phận mang điện

C. Sử dụng điện áp thấp, máy biến áp cách ly

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 33: Các biện pháp về tổ chức góp phần rất lớn đến việc hạn chế tai nạn đảm bảo an toàn điện. Bao gồm:

A. Quy định trách nhiệm của giám đốc hoặc người đứng đầu

B. Quy định về vận hành, thủ tục giao nhận ca

C. Quy định về quản lý hồ sơ trang bị và cung cấp điện

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 34: Quy tắc chung đảm bảo an toàn điện:

Để đảm bảo an toàn điện cần phải thực hiện đúng các quy định:

A. Phải che chắn các thiết bị và bộ phận của mạng điện để tránh nguy hiểm khi tiếp xúc bất ngờ vào vật dẫn điện

B. Phải chịu đúng điện áp sử dụng và thực hiện nối đất hoặc nối dây trung tính các thiết bị điện cũng như thấp sáng theo đúng tiêu chuẩn

C. Nghiêm chỉnh sử dụng các thiết bị, dụng cụ an toàn và bảo vệ khi làm việc

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 35: Khái niệm về vùng nguy hiểm như sau:

A. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

B. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

C. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

D. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

Câu 36: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các cơ cấu truyền động là:

- A. Bánh răng
- B. Bánh xe
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 37: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận máy là:

- A. Lưỡi dao máy cắt
- B. Bánh xe
- C. Trụ kim máy may
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 38: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận quay là:

- A. Băng tải máy ép keo
- B. Trụ kim máy may
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 39: Các khu vực có điện trên thiết bị dễ cháy nổ là:

- A. Bàn ủi
- B. Máy ép keo
- C. Máy ủi phom
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 40: Chọn câu sai: Mục đích của công tác bảo hộ lao động là.

- A. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động
- B. Đảm bảo người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt xảy ra
- C. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động
- D. Không Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không để xảy ra tai nạn, chấn thương, gây tàn phế hoặc tử vong trong lao động

Câu 41: Mục đích của công tác bảo hộ lao động là.

- A. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động
- B. Đảm bảo người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt xảy ra
- C. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 42: Bảo hộ lao động mang tính pháp lý thể hiện ở tất cả các quy định về:

- A. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn
- B. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.
- C. Các quy định về tổ chức lao động.
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 43: Bảo hộ lao động mang tính quần chúng là hoạt động hướng về :

- A. Cơ sở sản xuất
- B. Con người
- C. Cơ sở sản xuất và con người và trước hết là người trực tiếp lao động
- D. Cơ sở sản xuất không hướng về con người

Câu 44: Công tác bảo hộ lao động mang tính pháp lý, tính khoa học kỹ thuật và tính quần chúng có

- A. Liên quan mật thiết với nhau và hỗ trợ lẫn nhau
- B. Liên quan mật thiết với nhau và không hỗ trợ nhau
- C. Không liên quan mật thiết và hỗ trợ nhau
- D. Không liên quan mật thiết không hỗ trợ nhau

Câu 45: Bệnh nào sau đây được xem là bệnh nghề nghiệp của ngành may

- A. Bệnh dạ dày
- B. Đau cột sống, giảm thị lực
- C. Bệnh lao
- D. Bệnh dị ứng

Câu 46: Một số bệnh phổi công nhân thường mắc phải hiện nay là:

- A. Bệnh bụi phổi silic
- B. Bệnh bụi phổi ami-ăng

- C. Bệnh bụi phổi bông
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 47: Công nhân may phải tiếp xúc, hít nhiều loại:

- A. Sợi đay
- B. Sợi gai
- C. Sợi bông
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 48: Những ngành nghề có sử dụng nhiều hóa chất độc hại trong sản xuất

- A. Ngành dệt - nhuộm – hoàn tất vải
- B. Ngành thương mại
- C. Du lịch dịch vụ
- D. Chế biến thực phẩm

Câu 49: Biểu hiện lâm sàng của bệnh bụi phổi bông là do hít phải sợi đay, gai, bông...

- A. Tức ngực, khó thở, ho
- B. Tức ngực, thở đều, sốt
- C. Không tức ngực, khó thở, không ho
- D. Sốt, ho, sổ mũi

Câu 50: Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy xảy ra:

- A. Chất cháy, nguồn nhiệt gây cháy
- B. Tia lửa, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy
- C. Tia lửa, chất oxy hóa, khí CO₂
- D. Chất cháy, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy

_____ Hết _____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: I NĂM HỌC: 2020 – 2021

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Lớp: 20C1-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 2021

Thời gian thi: 60 Phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 002

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0.2 điểm.

Câu 1: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận máy là:

- A. Lưỡi dao máy cắt
- B. Bánh xe
- C. Trụ kim máy may
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 2: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận quay là:

- A. Băng tải máy ép keo
- B. Trụ kim máy may
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 3: Các khu vực có điện trên thiết bị dễ cháy nổ là:

- A. Bàn ủi
- B. Máy ép keo
- C. Máy ủi phom
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 4: Các nguyên nhân gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Thiết bị che chắn không đảm bảo an toàn
- B. Thiếu thiết bị bảo hiểm hoặc thiết bị bảo hiểm bị hỏng hay không hoạt động chính xác
- C. Bộ phận điều khiển máy bị hỏng
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 5: Các bộ phận có các yếu tố nguy hiểm là:

- A. Bộ phận mang điện
- B. Bộ phận chuyển động
- C. Bộ phận thân máy
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 6: Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy xảy ra:

- A. Chất cháy, nguồn nhiệt gây cháy
- B. Tia lửa, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy
- C. Tia lửa, chất oxy hóa, khí CO₂
- D. Chất cháy, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy

Câu 7: Chất cháy bao gồm:

- A. Than
- B. Gỗ
- C. Xăng
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 8: Chất oxy hóa chủ yếu có trong:

- A. Không khí
- B. Nguồn nhiệt.
- C. Khí thải
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 9: Nguồn nhiệt gây cháy bao gồm:

- A. Ngọn lửa trần
- B. Tia lửa điện
- C. Khí thải
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 10: Những nguyên nhân gây cháy nổ trực tiếp:

- A. Cháy do nhiệt độ cao đủ sức đốt cháy nguyên vật liệu
- B. Cháy do tác dụng của hóa chất, do phản ứng hóa học
- C. Cháy do điện
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 11: Lao động nặng, thân nhiệt có thể tăng lên :

- A. $38^{\circ}\text{C} - 39^{\circ}\text{C}$
- B. $39^{\circ}\text{C} - 40^{\circ}\text{C}$
- C. $41^{\circ}\text{C} - 42^{\circ}\text{C}$
- D. $43^{\circ}\text{C} - 44^{\circ}\text{C}$

Câu 12: "Khu vực cao áp, cấm đến gần", "Cấm đóng điện, đang sửa chữa!", "Cấm hút thuốc lá", ...thuộc loại biển báo nào sau đây

- A. Bảng biển báo hiệu
- B. Bảng hướng dẫn
- C. Bảng biển cấm
- D. Bảng biển báo nguy hiểm

Câu 13: “ Là cơ cấu tự động loại trừ khả năng gây nguy hiểm cho thiết bị và con người trong khi sử dụng nếu vì một lý do nào đó thao tác không đúng nguyên tắc an toàn” thuộc khái niệm nào sau đây:

- A. Cơ cấu điều khiển
- B. Khóa liên động
- C. Điều khiển từ xa
- D. Cơ cấu máy

Câu 14: Nhiệm vụ của cơ cấu phòng ngừa là:

- A. Tự động ngắt máy, thiết bị, hoặc bộ phận máy khi có một thông số nào đó vượt quá ngưỡng giới hạn không cho phép
- B. Tự động ngắt máy, thiết bị, hoặc bộ phận máy khi có một thông số nào đó vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép
- C. Tự động ngắt máy, thiết bị, hoặc bộ phận máy khi có vô số thông số nào đó vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép
- D. Tự động ngắt máy, thiết bị, hoặc bộ phận máy khi có một thông số nào đó không vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép

Câu 15: Khi in ấn, khi làm ắc quy có thể xảy ra loại nhiễm độc gì

- A. Nhiễm độc chì
- B. Nhiễm độc thủy ngân
- C. Nhiễm độc Mangan
- D. Nhiễm độc Crom

Câu 16: Với nồng độ của chì khoảng “.....” thì có thể làm cho súc vật thí nghiệm chết sau 18 giờ.

- A. 0,182 [ml/lít không khí]
- B. 0,172 [ml/lít không khí]
- C. 0,162 [ml/lít không khí]
- D. 0,152 [ml/lít không khí]

Câu 17: Các phương tiện bảo vệ cá nhân được phân theo bao nhiêu nhóm chính

- A. 5 nhóm chính
- B. 6 nhóm chính
- C. 7 nhóm chính
- D. 8 nhóm chính

Câu 18: Tác hại của chì (Pb)

- A. Làm rối loạn việc tạo máu, làm rối loạn tiêu hóa
- B. Làm suy hệ thần kinh
- C. Viêm thận, đau bụng, thể trạng suy sụp
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 19: Chọn câu sai: Tác hại của chì (Pb)

- A. Làm rối loạn việc tạo máu, làm rối loạn tiêu hóa
- B. Làm suy hệ thần kinh
- C. Viêm thận, đau bụng, thể trạng suy sụp.
- D. Dị ứng

Câu 20: Với nồng độ của chì khoảng 0,182 [ml/lít không khí] thì có thể làm cho súc vật thí nghiệm chết sau:

- A. 18 giờ
- B. 23 giờ
- C. 28 giờ
- D. 33 giờ

Câu 21: Khi gặp một người bị điện giật chúng ta cần phải

- A. Ôm, kéo nạn nhân ra khỏi dòng điện
- B. Tách nạn nhân ra khỏi dòng điện bằng vật cách điện
- C. Chạy tìm người cứu nạn nhân
- D. Cấp cứu nạn nhân bằng hô hấp nhân tạo

Câu 22: Sơ cứu khi điện giật:

- A. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện
- B. Làm hô hấp nhân tạo
- C. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 23: Những việc cần làm khi phát hiện nạn nhân bị điện giật là:

- A. Nhanh chóng tách nạn nhân khỏi nguồn điện
- B. Nhanh chóng đưa nạn nhân đi cấp cứu
- C. Nhanh chóng thực hiện sơ cứu
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 24: Những việc cần làm khi phát hiện nạn nhân bị ngưng thở là:

- A. Ngay lập tức phải tiến hành hô hấp nhân tạo tại chỗ cho đến khi nạn nhân tự thở được
- B. Ngay lập tức phải tiến hành đưa nạn nhân đi cấp cứu
- C. Ngay lập tức phải bảo vệ vết bỏng và gọi xe cứu thương
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 25: Phương pháp cách ly nạn nhân khỏi nguồn điện:

- A. Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, tiến hành hô hấp nhân tạo
- B. Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật
- C. Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật, tiến hành xoa bóp tim ngoài lồng ngực
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 26: Phương pháp cách ly nạn nhân khỏi tai nạn về điện xảy ra dưới nước:

- A. Người xử lý phải đứng trên cao, tìm cách cách ly với nước vì nước là chất dẫn điện và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật
- B. Người xử lý phải đứng trên cao, kéo người bị điện giật và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật

- C. Người xử lý phải đứng đối diện với nạn nhân, nắm lấy người bị điện giật và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật
- D. Người xử lý phải đứng trên cao, tìm cách cách ly với nước, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật

Câu 27: Các tình huống chạm điện trực tiếp dẫn đến tai nạn điện giật:

- A. 1 pha
- B. 2 pha
- C. 3 pha
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 28: Trường hợp nguy hiểm nhất của mạng điện ba pha:

- A. Người lao động đồng thời chạm vào hai pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất
- B. Người lao động đồng thời chạm vào ba pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất
- C. Người lao động đồng thời chạm vào một pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất
- D. Người lao động đồng thời chạm vào hai pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số nhỏ nhất

Câu 29: Trong mạng điện ba pha, sự nguy hiểm khi có người chạm phải các phần mang điện phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như:

- A. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, trị số điện trở cách điện của các pha
- B. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, trị số điện trở cách điện của các pha điện dung của các pha đối với đất
- C. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, điện dung của các pha đối với đất
- D. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, chạm vào 1 cực của mạng điện, điện dung của các pha đối với đất

Câu 30: Mạng điện đơn giản là:

- A. Mạng một chiều hay xoay chiều 3 pha
- B. Mạng một chiều hay xoay chiều 2 pha
- C. Mạng một chiều hay xoay chiều 1 pha
- D. Mạng xoay chiều 2 pha

Câu 31: Những vi phạm gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Vi phạm các tiêu chuẩn, quy trình sử dụng máy an toàn
- B. Vi phạm nội quy an toàn của xưởng
- C. Không am hiểu những yêu cầu kỹ thuật an toàn máy
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 32: Những biện pháp an toàn chủ yếu là:

- A. Phải có người phụ trách để đảm bảo độ an toàn về các thiết bị nhà xưởng để kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục khi xảy ra tai nạn
- B. Mua các thiết bị sản xuất có đầy đủ các biện pháp an toàn, hướng dẫn lắp đặt vận hành máy
- C. Bố trí máy móc đảm bảo quy trình sản xuất, lắp ráp, vận hành sửa chữa, thay thế
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 33: Các bộ phận an toàn trên máy may 1 kim:

- A. Nắp cần cuốn chỉ
- B. Nắp ròng rọc
- C. Chấn ngón tay
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 34: Các bộ phận an toàn trên máy may 2 kim:

- A. Cùm đồng tiền
- B. Nhãn cảnh báo bị kẹp
- C. Nắp ròng rọc
- D. Đáp án B và C đúng

Câu 35: Chức năng của nắp ròng rọc trên máy may 1 kim là:

- A. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa ròng rọc và cần cuốn chỉ
- B. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa ròng rọc và kim

C. Đây là nắp để ngăn kẹt tay, tóc và quần áo bởi ròng rọc tay

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 36: Chức năng của nắp cần cuốn chỉ trên máy may 1 kim là:

A. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa kim và cần cuốn chỉ

B. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa cơ thể và cần cuốn chỉ

C. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc đồng tiền và cần cuốn chỉ

D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 37: Chức năng của nhãn cảnh báo bị kẹp trên máy may 1 kim là:

A. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa cần bộ cuốn chỉ và chân vịt.

B. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa cần bộ cuốn chỉ và nắp cần bộ cuốn chỉ

C. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa đế và bàn máy trong quá trình bảo trì

D. Đáp án B và C đúng

Câu 38: Chức năng chặn ngón tay trên máy may 2 kim là:

A. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và mặt nguyệt

B. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim

C. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và cụm đồng tiền

D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 39: Điện giật có thể gây ra ngưng tim, ngưng thở, làm nạn nhân tử vong đột ngột. Thời gian vàng cấp cứu nạn nhân tại chỗ là bao nhiêu phút:

A. 2 phút

B. 3 phút

C. 4 phút

D. 5 phút

Câu 40: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các cơ cấu truyền động là:

A. Bánh răng

B. Bánh xe

C. Lưỡi dao

D. Đáp án A và B đúng

Câu 41: Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành về bảo hộ lao động gồm

A. 1 phần

B. 2 phần

C. 3 phần

D. 4 phần

Câu 42: Chọn câu sai: Các yếu tố vật lý liên quan đến quá trình sản xuất là:

A. Nhiệt độ, độ ẩm

B. Tiếng ồn, rung động

C. Các bức xạ có hại, bụi...

D. Chất độc

Câu 43: Chọn câu sai: Các yếu tố hóa học liên quan đến quá trình sản xuất là:

A. Hóa chất độc

B. Tiếng ồn, rung động

C. Các loại hơi, khí, bụi độc

D. Các chất phóng xạ

Câu 44: Chọn câu sai: Các yếu tố bất lợi liên quan đến quá trình sản xuất là:

A. Tư thế lao động

B. Nhà xưởng rộng rãi thoáng mát

C. Không tiện nghi do không gian chỗ làm việc

D. Nhà xưởng chật hẹp mất vệ sinh

Câu 45: Các yếu tố nguy hiểm có hại liên quan đến quá trình sản xuất

A. Các yếu tố vật lý, hóa học, sinh vật, vi sinh vật

B. Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động

C. Các yếu tố tâm lý không thuận lợi

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 46: Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp

- A. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe
- B. Biện pháp kỹ thuật phòng cháy, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe
- C. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe
- D. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức kinh tế, y tế bảo vệ sức khỏe

Câu 47: Khám tuyển và khám định kỳ cho người lao động nhằm quản lý, theo dõi chặt chẽ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp kịp thời có biện pháp giải quyết thuộc về biện pháp:

- A. Biện pháp kỹ thuật công nghệ
- B. Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe
- C. Biện pháp tổ chức lao động khoa học
- D. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh

Câu 48: Trang bị và sử dụng đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động dựa theo tính chất độc hại của từng ngành, nghề sản xuất, phù hợp với từng người cụ thể thuộc biện pháp:

- A. Biện pháp phòng hộ các nhân
- B. Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe
- C. Biện pháp tổ chức lao động khoa học
- D. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh

Câu 49: Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhằm cơ giới hóa, tự động hóa các quá trình sản xuất, cải tiến các quy trình công nghệ, sử dụng các chất không độc hoặc ít độc hơn,

- A. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.
- B. Biện pháp phòng hộ các nhân
- C. Biện pháp tổ chức lao động khoa học
- D. Biện pháp kỹ thuật công nghệ

Câu 50: Lắp đặt hoặc cải tiến hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống bụi, chống ồn, tại nơi lao động là những biện pháp góp phần cải thiện điều kiện lao động tốt hơn thuộc biện pháp:

- A. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.
- B. Biện pháp phòng hộ các nhân
- C. Biện pháp tổ chức lao động khoa học
- D. Biện pháp kỹ thuật công nghệ

_____ Hết _____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: I NĂM HỌC: 2020 – 2021

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Lớp: 20C1-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 2021

Thời gian thi: 60 Phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 003

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0.2 điểm.

Câu 1: Các bộ phận có các yếu tố nguy hiểm là:

- A. Bộ phận mang điện
- B. Bộ phận chuyển động
- C. Bộ phận thân máy
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 2: Những chú ý an toàn khi vận hành máy may là:

- A. Để tay tránh khỏi kim khi nhấn nút ON và trong khi máy đang hoạt động
- B. Dùng ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- C. Phải chắc chắn đã nhấn nút OFF trước khi nghiêng đầu máy hoặc tháo đai thuyền
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 3: Những chú ý an toàn khi sử dụng máy may là:

- A. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu, ngón tay, hay bất cứ vật gì lại gần pully máy, đai thuyền, động cơ
- B. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu vào máy
- C. Suốt quá trình máy hoạt động phải được lắp đặt thiết bị che chắn an toàn
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 4: Những vi phạm an toàn lao động khi sử dụng máy may là:

- A. Không nhấn nút OFF khi rời khỏi máy
- B. Sử dụng trang thiết bị bảo hộ khi làm việc
- C. Dùng ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 5: Các bộ phận an toàn trên máy may 1 kim:

- A. Nắp cần cuốn chỉ
- B. Nắp ròng rọc
- C. Chấn ngón tay
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 6: Các biện pháp quản lý và phòng cháy nổ tại các doanh nghiệp:

- A. Tổ chức bộ máy, xây dựng nội quy, quy chế quy định nhiệm vụ, chức trách trong công tác phòng chống cháy nổ
- B. Xây dựng và thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ

C. Thực hiện chữa cháy nổ khi xảy ra cháy nổ

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 7: Xây dựng và thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ:

A. Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ

B. Định kỳ mở các lớp huấn luyện nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống cháy nổ

C. Thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện nội quy, quy chế làm việc an toàn và phòng chống cháy nổ

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 8: Các phương pháp chữa cháy bao gồm:

A. Ngăn cách oxy với chất cháy (cách ly)

B. Làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp chất cháy (làm ngạt)

C. Phương pháp làm lạnh (thu nhiệt)

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 9: Khái niệm phương pháp ngăn cách oxy với chất cháy (cách ly) là:

A. Là phương pháp cách ly oxy với chất cháy hoặc tách rời chất cháy ra khỏi vùng cháy

B. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt

C. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy

D. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy

Câu 10: Làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp chất cháy (làm ngạt) là:

A. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, lưu huỳnh

B. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, nitơ (N₂) bột tro

C. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như oxy, nitơ (N₂) bột tro

D. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như lưu huỳnh

Câu 11: Các yếu tố nguy hiểm gây chấn thương trong sản xuất

A. Các bộ phận và cơ cấu sản xuất, các mảnh dụng cụ, vật liệu gia công bắn ra

B. Các yếu tố về điện, nhiệt

C. Chất độc công nghiệp, các chất lỏng hoạt tính, bụi công nghiệp

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 12: Chọn câu sai: Chất độc xâm nhập vào cơ thể qua những đường nào:

A. Đường hô hấp

B. Đường tiêu hóa

C. Thẩm qua da

D. Đường máu

Câu 13: Các phương tiện bảo vệ cá nhân được phân theo những nhóm nào:

A. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân, tay trái

B. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, tay, thân người

C. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân, thân người

D. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân tay, thân người

Câu 14: “Thường gặp khi hít, thở các hóa chất ở dạng khí, hơi, bụi. Chất độc xâm nhập qua phế quản và 7 triệu phế bào đi thẳng vào máu đến khắp các cơ quan, gây nhiễm độc. Đây là dạng nhiễm độc nghề nghiệp nguy hiểm nhất chiếm 95%.” Thuộc những đường nào sau đây:

A. Đường hô hấp

B. Đường tiêu hóa

C. Thẩm qua da

D. Đường máu

Câu 15: Tiếp xúc với hóa chất tại nơi làm việc có thể đi vào cơ thể con người theo con đường nào?

- A. Đường hô hấp, đường tiêu hóa, thấm qua da
- B. Đường hô hấp, đường tiêu hóa, truyền máu
- C. Đường tiêu hóa, thấm qua da, do muối và côn trùng đốt
- D. Đường hô hấp và đường tiêu hóa

Câu 16: Nhiễm độc chì mãn tính thường có các triệu chứng nào sau đây:

- A. Mệt mỏi, ít ngủ, ăn kém, nhức đầu
- B. Đau cơ xương, táo bón, ở thể nặng có thể liệt các chi
- C. Gây tai biến mạch máu não, thiếu máu phá hoại tuỷ xương
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 17: “ Độ bền chi tiết máy không đảm bảo gây sự cố trong quá trình sử dụng” thuộc nhóm nguyên nhân nào gây chấn thương trong quá trình sản xuất

- A. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- B. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- C. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- D. Nhóm nguyên nhân về y tế

Câu 18: Đối với ngành may yếu tố nào ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong quá trình sản xuất:

- A. Bụi phát sinh, phân xưởng chật chội
- B. Ngồi lâu, cường độ làm việc cao
- C. Tập chung thị giác nhiều
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 19: Sử dụng máy móc thiết bị tự động điều khiển từ xa trong xưởng sản xuất có phát sinh hay sử dụng chất độc nghề nghiệp nhằm:

- A. Tránh tiếp xúc trực tiếp giữa người công nhân với chất độc
- B. Hạn chế sự ảnh hưởng của chất độc đối với người công nhân
- C. Dễ dàng hơn cho quá trình sản xuất
- D. Tiết kiệm sức lao động và nhân công

Câu 20: Chọn câu sai: Khả năng ảnh hưởng của chất độc đối với cơ thể người lao động phụ thuộc vào yếu tố:

- A. Thời gian tiếp xúc với chất độc
- B. Liều lượng tiếp xúc
- C. Nồng độ chất độc
- D. Cơ thể người lao động

Câu 21: Ký hiệu dòng điện qua người là:

- A. Ký hiệu Ing
- B. Ký hiệu U
- C. Ký hiệu R
- D. Ký hiệu Rng

Câu 22: Công thức dòng điện qua người sẽ là:

- A. $I_{ng} = I / R_{ng}$.
- B. $I_{ng} = R / R_{ng}$.
- C. $I_{ng} = U / R_{ng}$.
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 23: Biểu diễn sự phân bố điện thế chung quanh chỗ chạm đất qua vật nổi đất hình bán cầu :

- A. $U_d = K / x$
- B. $U_d = K / I_d$
- C. $U_d = K / V$
- D. $U_d = K / U$

Câu 24: Những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho con người:

- A. Biên độ dòng điện , tần số dòng điện
- B. Đường đi của dòng điện, thời gian tồn tại điện giật
- C. Trình trạng sức khỏe (hoàn cảnh xảy ra tai nạn, và phản xạ của nạn nhân).
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 25: Đường đi nguy hiểm nhất của dòng điện đi qua cơ thể người:

- A. Dòng điện đi từ tay phải qua chân
- B. Dòng điện đi từ chân qua chân

C. Dòng điện đi từ người này sang người khác

D. Dòng điện đi từ tay qua tay

Câu 26: Tác dụng của dòng điện đi qua cơ thể người là:

A. Tác dụng nhiệt

B. Tác dụng điện phân

C. Tác dụng sinh lý

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 27: Sự nguy hiểm tác dụng nhiệt của dòng điện đối với cơ thể con người :

A. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, tim não và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng

B. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, cơ và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng

C. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, gan và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng

D. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng

Câu 28: Sự nguy hiểm tác dụng điện phân của dòng điện đối với cơ thể con người:

A. Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất rắn hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào

B. Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào

C. Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu

D. Biểu hiện ở việc dẫn truyền máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào

Câu 29: Sự nguy hiểm tác dụng sinh lý của dòng điện đối với cơ thể con người:

A. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và phổi

B. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và gan. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn

C. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có gan và phổi. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn

D. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và phổi. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn

Câu 30: Đường đi của dòng điện từ tay qua tay (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

A. 3.3

B. 3.4

C. 3.5

D. 3.6

Câu 31: Đường đi của dòng điện từ tay phải (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

A. 6.5

B. 6.6

C. 6.7

D. 6.8

Câu 32: Đường đi của dòng điện từ tay trái qua chân (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

A. 3.4

B. 3.5

C. 3.6

D. 3.7

Câu 33: Khái niệm về vùng nguy hiểm như sau:

A. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

B. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

C. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

D. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

Câu 34: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các cơ cấu truyền động là:

- A. Bánh răng
- B. Bánh xe
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 35: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận máy là:

- A. Lưỡi dao máy cắt
- B. Bánh xe
- C. Trụ kim máy may
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 36: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận quay là:

- A. Băng tải máy ép keo
- B. Trụ kim máy may
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 37: Các khu vực có điện trên thiết bị dễ cháy nổ là:

- A. Bàn ủi
- B. Máy ép keo
- C. Máy ủi phom
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 38: Các nguyên nhân gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Thiết bị che chắn không đảm bảo an toàn
- B. Thiếu thiết bị bảo hiểm hoặc thiết bị bảo hiểm bị hỏng hay không hoạt động chính xác
- C. Bộ phận điều khiển máy bị hỏng
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 39: Những vi phạm gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Vi phạm các tiêu chuẩn, quy trình sử dụng máy an toàn
- B. Vi phạm nội quy an toàn của xưởng
- C. Không am hiểu những yêu cầu kỹ thuật an toàn máy
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 40: Những biện pháp an toàn chủ yếu là:

- A. Phải có người phụ trách để đảm bảo độ an toàn về các thiết bị nhà xưởng để kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục khi xảy ra tai nạn
- B. Mua các thiết bị sản xuất có đầy đủ các biện pháp an toàn, hướng dẫn lắp đặt vận hành máy
- C. Bố trí máy móc đảm bảo quy trình sản xuất, lắp ráp, vận hành sửa chữa, thay thế
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 41: Tiêu chuẩn 5S được viết tắt từ

- A. Sàn lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sóc, sẵn sàng
- B. Sàn lọc, sẵn sóc, sâu sắc, sạch sẽ, sẵn sàng
- C. Sàn lọc, sẵn sóc, sâu sắc, sạch sẽ, sung sức
- D. Sung sức, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sóc, sẵn sàng

Câu 42: Tai nạn lao động là tai nạn:

- A. Gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động
- B. Không gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động
- C. Gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động nhưng không gây tử vong
- D. Gây ù tai, chóng mặt...

Câu 43: Tai nạn lao động được phân ra:

- A. Chấn thương
- B. Nhiễm độc nghề nghiệp
- C. Bệnh nghề nghiệp
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 44: Chọn câu sai: Tai nạn lao động được phân ra:

- A. Chấn thương
- B. Nhiễm độc nghề nghiệp
- C. Bệnh nghề nghiệp.
- D. Chấn thương đột ngột

Câu 45: Điều kiện lao động là:

- A. Tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức thể hiện qua quy trình công nghệ, công cụ lao động, môi trường lao động con người lao động và sự tác động qua lại giữa chúng tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất
- B. Tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức
- C. Công cụ lao động, môi trường lao động con người lao động
- D. Điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất

Câu 46: Vi khí hậu trong sản xuất là trạng thái lí học của không khí trong khoảng thời gian thu hẹp gồm các yếu tố như:

- A. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của không khí
- B. Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn và vận tốc chuyển động của không khí
- C. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của gió
- D. Không khí, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của không khí

Câu 47: Tùy theo tính chất tỏa nhiệt của quá trình sản xuất người ta chia ra mấy loại vi khí hậu:

- A. 3 loại vi khí hậu
- B. 4 loại vi khí hậu
- C. 5 loại vi khí hậu
- D. 6 loại vi khí hậu

Câu 48: Vi khí hậu tương đối ổn định trong xưởng cơ khí, dệt

- A. Nhiệt tỏa ra khoảng $20 \text{ kcal/m}^3 \cdot \text{h}$
- B. Nhiệt tỏa ra khoảng $30 \text{ kcal/m}^3 \cdot \text{h}$
- C. Nhiệt tỏa ra khoảng $40 \text{ kcal/m}^3 \cdot \text{h}$
- D. Nhiệt tỏa ra khoảng $50 \text{ kcal/m}^3 \cdot \text{h}$

Câu 49: Độ ẩm tương đối nơi sản xuất nên trong khoảng

- A. 105% - 110%.
- B. 95% - 105%.
- C. 85% - 95%.
- D. 75% - 85%.

Câu 50: Tiêu chuẩn cho phép vận tốc không khí không vượt quá:

- A. 3m/s
- B. 4m/s
- C. 5m/s
- D. 6m/s

_____ Hết _____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Lớp: 20C1-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 2021

Thời gian thi: 60 Phút (*không kể thời gian phát đề*)

Mã đề 004

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0.2 điểm.

Câu 1: Những vi phạm gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Vi phạm các tiêu chuẩn, quy trình sử dụng máy an toàn
- B. Vi phạm nội quy an toàn của xưởng
- C. Không am hiểu những yêu cầu kỹ thuật an toàn máy
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 2: Những biện pháp an toàn chủ yếu là:

- A. Phải có người phụ trách để đảm bảo độ an toàn về các thiết bị nhà xưởng để kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục khi xảy ra tai nạn
- B. Mua các thiết bị sản xuất có đầy đủ các biện pháp an toàn, hướng dẫn lắp đặt vận hành máy
- C. Bố trí máy móc đảm bảo quy trình sản xuất, lắp ráp, vận hành sửa chữa, thay thế
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 3: Các bộ phận có các yếu tố nguy hiểm là:

- A. Bộ phận mang điện
- B. Bộ phận chuyển động
- C. Bộ phận thân máy
- D. Đáp án A và B đúng

Câu 4: Những chú ý an toàn khi vận hành máy may là:

- A. Để tay tránh khỏi kim khi nhấn nút ON và trong khi máy đang hoạt động.
- B. Dùng ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- C. Phải chắc chắn đã nhấn nút OFF trước khi nghiêng đầu máy hoặc tháo đai thuyền
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 5: Những chú ý an toàn khi sử dụng máy may là:

- A. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu, ngón tay, hay bất cứ vật gì lại gần pulley máy, đai thuyền, động cơ
- B. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu vào máy
- C. Suốt quá trình máy hoạt động phải được lắp đặt thiết bị che chắn an toàn
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 6: Phương pháp làm lạnh là:

- A. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt
- B. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng giãn nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt

C. Là dùng nước làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 7: Các phương pháp chữa cháy:

A. 1 phương pháp chữa cháy cơ bản

B. 2 phương pháp chữa cháy cơ bản

C. 3 phương pháp chữa cháy cơ bản

D. 4 phương pháp chữa cháy cơ bản

Câu 8: Yêu cầu đối với chất chữa cháy là:

A. Rẻ tiền, dễ sử dụng, không làm hỏng thiết bị, không độc

B. Có khả năng dập tắt đám cháy cao

C. Giá thành phù hợp

D. Dễ sử dụng

Câu 9: Khi xảy ra cháy có phát sinh từ thiết bị (hoặc nơi làm việc) điều đầu tiên là:

A. Cúp cầu dao điện điện nơi xảy cháy.

B. Chạy tìm lối thoát hiểm.

C. Tìm chất chữa cháy để dập tắt lửa.

D. Gọi cứu hỏa để chữa cháy.

Câu 10: Các cơ sở may mặc cũng phải tuân thủ nghiêm các quy định về:

A. An toàn sử dụng điện, nguồn lửa

B. An toàn sử dụng điện, nguồn nhiệt

C. An toàn sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt

D. An toàn sử dụng con người, điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt

Câu 11: Thường sử dụng còi, chuông. Dùng cho các xe nâng hạ qua lại, các phương tiện vận tải, các báo động sự cố, ...Thuộc dạng tín hiệu nào sau đây

A. Tín hiệu âm thanh

B. Tín hiệu ánh sáng

C. Tín hiệu màu sắc

D. Bảng biển báo hiệu

Câu 12: Phân xưởng chật chội, sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự là tác hại có liên quan đến:

A. Quá trình sản xuất

B. Tổ chức lao động

C. Điều kiện vệ sinh và an toàn

D. Hoạt động tâm sinh lý của người lao động

Câu 13: Phương tiện bảo vệ cá nhân đối với ngành may

A. Mũ bảo hiểm

B. Găng tay, mũ trùm tóc, khẩu trang

C. Găng tay cao su, tạp dề

D. Khẩu trang, găng tay, giày, tất

Câu 14: Nhóm màu sắc chính của tín hiệu an toàn bao gồm các màu sau:

A. Đỏ, cam, trắng

B. Trắng, vàng, nâu

C. Xanh lá cây, vàng, da cam

D. Đỏ, vàng, xanh lá cây

Câu 15: Đối với ngành may, khi phải ngồi máy may làm việc để đảm bảo an toàn trong sản xuất cần thực hiện:

A. Tóc cột gọn gàng, đeo găng tay, khẩu trang chống bụi, đội mũ trùm đầu

B. Mang ủng, mang kính bảo vệ mắt

C. Đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, găng tay

D. Kiếng mát, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động

Câu 16: Để xử lý bụi dính trên sản phẩm may công nghiệp, người ta cần lấy sạch bụi bằng cách:

A. Giặt sản phẩm cho sạch

B. Giữ sạch bụi có trên sản phẩm

C. Đưa vào máy hút bụi để đánh bật bụi văng ra ngoài

D. Lấy keo dính chặm bụi

Câu 17: Sản phẩm may mặc trong công nghiệp đạt yêu cầu về vệ sinh công nghiệp là:

- A. Sản phẩm không có chỉ thừa, không vật nhọn
- B. Sản phẩm không sử dụng hóa chất độc hại
- C. Sản phẩm không nhãn, dơ dính bẩn
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 18: Mục đích của thông gió trong công nghiệp

- A. Chống nóng; Khử khí độc, đảm bảo môi trường trong sạch
- B. Chống nắng, Khử khí độc
- C. Đảm bảo môi trường trong sạch
- D. Chống nóng, chống ồn

Câu 19: Bụi khoáng chất, bụi kim loại, bụi hỗn hợp thuộc loại bụi nào sau đây:

- A. Bụi vô cơ
- B. Bụi hữu cơ
- C. Bụi tự nhiên
- D. Bụi nhân tạo

Câu 20: Chọn câu sai: Bụi hữu cơ gồm

- A. Bụi thực vật
- B. Bụi động vật
- C. Bụi nhân tạo
- D. Bụi khoáng chất

Câu 21: Đường đi của dòng điện từ chân qua chân (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

- A. 0.2
- B. 0.3
- C. 0.4
- D. 0.5

Câu 22: Những tình huống dẫn đến điện giật là:

- A. Chạm trực tiếp, gián tiếp
- B. Tai nạn do hồ quang điện, điện áp bước
- C. Tai nạn điện do tác dụng của điện trường mạnh, do sét
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 23: Những tình huống dẫn đến điện giật do chạm trực tiếp là:

- A. Khi làm việc với đường dây hay các thiết bị điện, con người có thể chạm vào các phần mang điện, như chạm vào dây dẫn trần đang mang điện. Khi sử dụng thiết bị điện, có thể có các chỗ cách điện bị nứt, rách, vỡ để hở phần mang điện, hoặc do gió to, do giông bão làm cho dây điện đứt rơi xuống, con người hay gia súc có thể chạm vào mà gây ra tai nạn điện
- B. Khi có sự cố do hỏng cách điện, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém hoặc do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly
- C. Khi làm việc với đường dây hay các thiết bị điện, con người có thể chạm vào các thiết bị, như chạm vào dây dẫn điện. Khi sử dụng thiết bị điện, có thể có các chỗ thiết bị mang điện, hoặc do gió to, do giông bão làm cho dây điện đứt rơi xuống, con người hay gia súc có thể chạm vào mà gây ra tai nạn điện
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 24: Những tình huống dẫn đến điện giật do chạm điện gián tiếp là:

- A. Khi có sự cố do cháy nổ, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn
- B. Khi có sự cố do cháy nổ, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ người sang người, gây tai nạn
- C. Khi có sự cố do hỏng cách điện, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 25: Nguyên nhân bộ phận cách điện hỏng là:

- A. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém hoặc do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly
- B. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly

C. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém, do bụi bẩn

D. Cách điện hỏng do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly

Câu 26: Những tình huống dẫn đến điện giật do hồ quang điện là:

A. Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện gián tiếp, nhưng đôi khi vừa bị hồ quang vừa bị dòng điện truyền qua người

B. Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện trực tiếp, nhưng đôi khi vừa bị hồ quang vừa bị dòng điện truyền qua người

C. Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện trực tiếp, nhưng đôi khi bị hồ quang

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 27: Những tình huống dẫn đến điện giật do điện áp bước là:

A. Là tai nạn do dòng điện chạy qua 2 chân lên cơ thể người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế giống nhau

B. Là tai nạn do dòng điện chạy người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế khác nhau

C. Là tai nạn do dòng điện chạy qua 2 chân lên cơ thể người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế khác nhau

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 28: Những tình huống dẫn đến điện giật do tác dụng của điện trường mạnh là:

A. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 35kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện

B. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 25kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện

C. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 15kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện

D. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 10kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện

Câu 29: Những tình huống dẫn đến điện giật do sét là:

A. Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện sét có giá trị lớn nhưng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, nhưng có sức phá hoại lớn

B. Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện sét có giá trị nhỏ nhưng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn

C. Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện có sức phá hoại lớn

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 30: Các tai nạn do điện gây ra:

A. Các chấn thương do điện

B. Các chấn thương do điện, cháy nổ

C. Điện giật

D. Đáp án A và C đúng

Câu 31: Các bộ phận an toàn trên máy may 2 kim:

A. Cụm đồng tiền

B. Nhãn cảnh báo bị kẹp

C. Nắp ròng rọc

D. Đáp án B và C đúng

Câu 32: Chức năng của nắp ròng rọc trên máy may 1 kim là:

A. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa ròng rọc và cần cuốn chỉ

B. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa ròng rọc và kim

C. Đây là nắp để ngăn kẹt tay, tóc và quần áo bởi ròng rọc tay

D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 33: Chức năng của nắp cần cuốn chỉ trên máy may 1 kim là:

A. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa kim và cần cuốn chỉ

B. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa cơ thể và cần cuốn chỉ

C. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc đồng tiền và cần cuốn chỉ

D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 34: Chức năng của nhãn cảnh báo bị kẹp trên máy may 1 kim là:

A. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa cần bộ cuốn chỉ và chân vịt

- B. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa cần bộ cuốn chỉ và nắp cần bộ cuốn chỉ
- C. Đây là nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay v.v.... khỏi bị kẹt giữa đế và bàn máy trong quá trình bảo trì
- D. Đáp án B và C đúng

Câu 35: Chức năng chặn ngón tay trên máy may 2 kim là:

- A. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và mặt nguyệt
- B. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim
- C. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và cụm đồng tiền
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 36: Điện giật có thể gây ra ngưng tim, ngưng thở, làm nạn nhân tử vong đột ngột. Thời gian vàng cấp cứu nạn nhân tại chỗ là bao nhiêu phút:

- A. 2 phút
- B. 3 phút
- C. 4 phút
- D. 5 phút

Câu 37: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận máy là:

- A. Lưỡi dao máy cắt
- B. Bánh xe
- C. Trụ kim máy may
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 38: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận quay là:

- A. Băng tải máy ép keo
- B. Trụ kim máy may
- C. Lưỡi dao
- D. Đáp án A và C đúng

Câu 39: Các khu vực có điện trên thiết bị dễ cháy nổ là:

- A. Bàn ủi
- B. Máy ép keo
- C. Máy ủi phom
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 40: Các nguyên nhân gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- A. Thiết bị che chắn không đảm bảo an toàn
- B. Thiếu thiết bị bảo hiểm hoặc thiết bị bảo hiểm bị hỏng hay không hoạt động chính xác
- C. Bộ phận điều khiển máy bị hỏng
- D. Cả 3 câu A, B, C đều đúng

Câu 41: Chấn thương là tai nạn lao động mà kết quả gây nên:

- A. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột
- B. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn và không gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột
- C. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời không làm mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột
- D. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng lâu dài

Câu 42: Làm suy yếu dần dần sức khỏe hay làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc và sinh hoạt của người lao động.

- A. Nhiễm độc nghề nghiệp
- B. Chấn thương
- C. Bệnh nghề nghiệp
- D. Chấn thương chân

Câu 43: Là sự hủy hoại sức khỏe do tác dụng của các chất độc xâm nhập vào cơ thể người lao động trong điều kiện sản xuất.

- A. Nhiễm độc nghề nghiệp
- B. Chấn thương
- C. Bệnh nghề nghiệp

D. Chấn thương chân

Câu 44: Chấn thương có tác dụng:

- A. Đột ngột
- B. Lâu dài
- C. Thoáng qua
- D. 15 phút

Câu 45: Tính chất của công tác bảo hộ lao động là:

- A. Tính Pháp lý; Tính khoa học kỹ thuật; Tính quần chúng
- B. Tính Pháp lý; Tính khoa học kỹ thuật
- C. Tính khoa học kỹ thuật; Tính quần chúng
- D. Tính Pháp lý, Tính an toàn

Câu 46: Tiêu chuẩn tối đa cho phép đối với tiếng ồn là:

- A. 90dB
- B. 95dB
- C. 100dB
- D. 105dB

Câu 47: Đơn vị để đo tiếng ồn là:

- A. Kcal/m²
- B. Nanomet
- C. Kilomet
- D. Decibel (dB)

Câu 48: Vận tốc chuyển động không khí gây kích thích bất lợi cho cơ thể là

- A. 2m/s
- B. 3m/s
- C. 4m/s
- D. 5m/s

Câu 49: Tác động của tiếng ồn đối với cơ quan thính giác:

- A. Có 3 mức độ tác hại
- B. Có 4 mức độ tác hại
- C. Có 5 mức độ tác hại
- D. Có 6 mức độ tác hại

Câu 50: Chọn câu sai: Tác động của tiếng ồn đối với cơ quan thính giác:

- A. Mức độ nhẹ
- B. Mức độ mệt mỏi tính giác
- C. Mức độ điếc nghề nghiệp
- D. Không có tác động đến cơ quan thính giác

_____Hết_____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Lớp: 20C1-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 2021

Thời gian thi: 60 phút *(không kể thời gian phát đề)*

NỘI DUNG

Câu số	Mã đề thi			
	001	002	003	004
1	D	D	D	D
2	D	A	D	D
3	D	D	A	D
4	A	D	C	D
5	C	D	D	A
6	D	D	D	A
7	B	D	D	C
8	B	A	D	A
9	B	D	A	C
10	A	D	B	C

11	D	A	D	A
12	B	C	D	B
13	D	B	D	B
14	C	B	A	D
15	A	A	A	A
16	A	A	D	D
17	B	B	A	D
18	A	D	D	A
19	A	D	A	A
20	A	A	D	D
21	A	B	A	C
22	D	D	C	D
23	A	A	A	A
24	A	A	D	C
25	A	B	A	A
26	D	A	D	A
27	A	D	A	C
28	C	A	B	B
29	A	B	D	A
30	A	C	A	D
31	D	D	C	D
32	D	D	D	C
33	D	D	A	B
34	D	D	D	D
35	A	C	D	B

36	D	B	A	D
37	D	D	D	D
38	A	B	D	A
39	D	D	D	D
40	D	D	D	D
41	D	C	A	A
42	D	D	A	C
43	C	B	D	A
44	A	B	D	A
45	B	D	A	A
46	D	A	A	A
47	D	B	A	D
48	A	A	A	D
49	A	D	D	A
50	D	A	A	D

_____Hết_____

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ